|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BÁO CÁO**

**Tóm tắt kết quả kỳ họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất *(tháng 8/2022*); kỳ họp thứ 10, HĐND tỉnh khóa X**

*(Tài liệu phục vụ TXCT của đại biểu HĐND tỉnh)*

**I. Nội dung kỳ họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất *(tháng 8/2022)***

Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất *(tháng 8/2022)*Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026tổ chức trong 01 buổi sáng ngày 29/8/2022 và thống nhất thông qua 07 nghị quyết *(trong đó có 06 nghị quyết chuyên đề và 01 nghị quyết về kết quả kỳ họp)*. Cụ thể:

**1. Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025 *(nguồn vốn sự nghiệp)***

*Nội dung cụ thể:* Quy định mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025.

*Nguyên tắc hỗ trợ*

1. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện theo Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung của Chương trình phải hướng tới đạt mục tiêu thực hiện các Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn theo các mức độ *(đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu)* giai đoạn 2021-2025 ban hành tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, cùng với nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ, bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, trùng lặp với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

4. Công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

5. Không sử dụng kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm và các nội dung, nhiệm vụ đã được bố trí kinh phí từ các Chương trình, dự án khác.

6. Trong cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau *(kể cả chương trình, dự án khác)*, đối tượng thụ hưởng chỉ được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

*Nguồn vốn thực hiện*

Nguồn vốn trung ương bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**2.** **Nghị quyết Phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022**

*Nội dung cụ thể:*

1. Tổng kinh phí phân bổ và giao dự toán năm 2022 cho các đơn vị, địa phương: 17.097 triệu đồng *(Mười bảy tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu đồng)*, trong đó:

- Phân bổ kinh phí cho các đơn vị cấp tỉnh: 5.485 triệu đồng.

- Giao dự toán cho UBND các huyện, thành phố: 11.612 triệu đồng.

Phân bổ từ các nguồn sau:

- Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 là 16.286 triệu đồng;

- Nguồn tỉnh điều hành năm 2022 *(đối ứng từ nguồn kinh phí tiết kiệm thêm 2% chi thường xuyên cấp tỉnh năm 2022)*: 811 triệu đồng.

2. Đối với nguồn kinh phí chưa phân bổ tại kỳ họp này *(11.049 triệu đồng; trong đó: ngân sách trung ương 7.714 triệu đồng, ngân sách địa phương đối ứng: 3.335 triệu đồng)*, giao Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát, trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ tại kỳ họp chuyên đề tháng 10 năm 2022.

**3. Nghị quyết Về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng 04 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:*

Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng 04 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bắc Kạn gồm:

a) Trạm y tế xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn: Xây dựng mới nhà trạm 01 tầng với quy mô khoảng 365m2; các hạng mục phụ trợ gồm: Nhà bếp, nhà để xe, kho chứa rác, cổng, tường rào, sân, vườn thuốc nam, bể tự hoại, bể xử lý nước thải và các hạng mục phụ trợ khác; mua sắm bổ sung thiết bị y tế.

b) Trạm y tế xã Yến Dương, huyện Ba Bể: Xây dựng mới nhà trạm 01 tầng với quy mô khoảng 365m2; các hạng mục phụ trợ gồm: San nền, kè đá, nhà bếp, nhà để xe, kho chứa rác, cổng, tường rào, sân, vườn thuốc nam, bể tự hoại, bể xử lý nước thải và các hạng mục phụ trợ khác; mua sắm bổ sung thiết bị y tế.

c) Trạm y tế xã Văn Minh, huyện Na Rì: Xây dựng mới nhà trạm 01 tầng với quy mô khoảng 365m2; các hạng mục phụ trợ gồm: San nền, kè đá, nhà bếp, nhà để xe, kho chứa rác, cổng, tường rào, sân, vườn thuốc nam, bể tự hoại, bể xử lý nước thải và các hạng mục phụ trợ khác; mua sắm bổ sung thiết bị y tế.

d) Trạm y tế phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn: Cải tạo nhà trạm, nhà hội trường, các hạng mục phụ trợ: Cổng, tường rào, sân, đường; xây dựng mới: Rãnh thoát nước, nhà để xe, bể xử lý nước thải y tế, lò đốt rác thải; mua sắm bổ sung thiết bị y tế.

- Tổng mức đầu tư dự án: 18.151 triệu đồng.

- Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn ngân sách Trung ương.

- Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022 - 2023.

**4. Nghị quyết** **Về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang**

*Nội dung cụ thể:*

1. Tên dự án: Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang.

2. Mục tiêu đầu tư: Cải thiện mạng lưới giao thông, hình thành tuyến kết nối liên vùng, phát triển du lịch, thu hút đầu tư, góp phần quan trọng để khai thác tiềm năng khu du lịch hồ Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn và liên kết với khu du lịch Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; nâng cao năng lực lưu thông tiêu thụ hàng hóa, nông lâm sản, tạo điều kiện sớm hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới, đồng thời góp phần vào công tác phòng chống lụt bão, cứu hộ cứu nạn, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương.

3. Quy mô đầu tư:

3.1. Đối với đoạn tuyến thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể:

- Cấp công trình: Cấp III; các đoạn khó khăn châm chước độ dốc tối đa 11%.

- Thu hồi giải phóng mặt bằng hai bên đường tại các khu vực có điều kiện để xây dựng một số công trình phụ trợ, bãi nghỉ và trồng cây tạo cảnh quan.

3.2. Tuyến Ba Bể, Bắc Kạn kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang:

- Điểm đầu tuyến giao với tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể thuộc địa phận xã Quảng Khê, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn; điểm cuối tuyến giao với QL279 tại xã Đà Vị, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Chiều dài tuyến khoảng 38,3km.

- Tổng mức đầu tư dự án: 2.837.809 triệu đồng.

- Cơ cấu nguồn vốn:

+ Nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh: 277.809 triệu đồng;

+ Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 2.560.000 triệu đồng.

- Thời gian thực hiện: Năm 2020 - 2025.

Nghị quyết nàyBãi bỏ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 13/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể

**5. Nghị quyết Về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư nâng cấp, cải tạo 03 Trung tâm** **Y tế tuyến huyện, tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:* Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư nâng cấp, cải tạo 03 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bắc Kạn gồm:

- Trung tâm Y tế huyện Chợ Đồn

- Trung tâm Y tế huyện Ba Bể

- Trung tâm Y tế huyện Na Rì

- Nhóm dự án: Nhóm B.

Tổng mức đầu tư dự án: 82.349 triệu đồng.

- Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách Trung ương.

- Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022 - 2023.

- Nghị quyết này Bãi bỏ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trung tâm y tế tuyến huyện.

**6. Nghị quyết Về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị cho 08 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:* Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị cho 08 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bắc Kạn gồm:

- Trung tâm Y tế huyện Na Rì: 18 danh mục thiết bị y tế;

- Trung tâm Y tế huyện Chợ Đồn: 20 danh mục thiết bị y tế;

- Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới: 08 danh mục thiết bị y tế;

- Trung tâm Y tế huyện Ba Bể: 04 danh mục thiết bị y tế;

- Trung tâm Y tế huyện Bạch Thông: 09 danh mục thiết bị y tế;

- Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn: 14 danh mục thiết bị y tế;

- Trung tâm Y tế thành phố Bắc Kạn: 26 danh mục thiết bị y tế;

- Trung tâm Y tế huyện Pác Nặm: 04 danh mục thiết bị y tế.

- Tổng mức đầu tư dự án: 53.500 triệu đồng.

- Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách Trung ương.

- Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022 - 2023.

- Nghị quyết nàyBãi bỏ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X về chủ trương đầu tư dự án Mua sắm bổ sung trang thiết bị y tế cho Trung tâm y tế các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**7. Nghị quyết về** **Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất *(tháng 8/2022)*** **Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026**

**II. Nội dung kỳ họp thứ 10, HĐND tỉnh khóa X**

Ngày 18/10/2022, HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 đã tổ chức kỳ họp thứ 10 *(kỳ họp chuyên đề)* HĐND tỉnh khóa X và thống nhất thông qua 19 nghị quyết. *(trong đó có 17 nghị quyết chuyên đề; 01 nghị quyết về công tác cán bộ và nghị quyết về kết quả kỳ họp)*. Cụ thể:

**1. Nghị quyết về Quy định mức bồi dưỡng đối với nhân viên y tế tại các thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu thuộc các phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:*

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức bồi dưỡng đối với nhân viên y tế tại các thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu thuộc các phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

b) Đối tượng áp dụng:Nhân viên y tế tại các thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu thuộc các phường, thị trấn được công nhận theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Mức bồi dưỡng đối với nhân viên y tế tại các thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu thuộc các phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn: Bằng 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách địa phương theo phân cấp.

**2. Nghị quyết Quy định một số nội dung và mức hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên để đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:*

Nghị quyết này quy định một số nội dung và mức hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên để đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Đối tượng áp dụng:Viên chức đang công tác tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, gồm:

1. Bồi dưỡng

Giáo viên được đào tạo các chuyên ngành chưa đáp ứng để giảng dạy các môn Tin học và Công nghệ cấp tiểu học; môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở thuộc các đối tượng bồi dưỡng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đào tạo

a) Viên chức có trình độ đại học, có năng lực về tin học, có nguyện vọng trở thành giáo viên giảng dạy các môn Tin học cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; môn Tin học và Công nghệ cấp tiểu học.

b) Viên chức có trình độ đại học, có năng lực về ngoại ngữ, có nguyện vọng trở thành giáo viên giảng dạy các môn ngoại ngữ.

c) Viên chức có trình độ đại học, có nguyện vọng trở thành giáo viên giảng dạy môn tiếng dân tộc thiểu số.

d) Viên chức có trình độ đại học, có năng khiếu về Âm nhạc, Mĩ thuật, có nguyện vọng trở thành giáo viên giảng dạy các môn Nghệ thuật *(Âm nhạc, Mĩ thuật)* cấp tiểu học, trung học cơ sở; môn Âm nhạc, Mĩ thuật cấp trung học phổ thông.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng thuộc đối tượng và đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị quyết này được hưởng chính sách hỗ trợ sau:

a) Hỗ trợ chi phí dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nơi viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

b) Hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc: mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nơi viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

c) Hỗ trợ chi phí đi lại *(1 lượt đi và về, nghỉ lễ, nghỉ tết)* từ cơ quan đến nơi học tập cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên *(đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ)* và từ 15 km trở lên *(đối với các xã còn lại)*: Theo hình thức khoán 1.000 đồng/1 km.

d) Hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến đào tạo, bồi dưỡng:

Học vào các ngày thứ bảy, chủ nhật: Hỗ trợ bằng 40% mức khoán quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Học liên tục vào các ngày trong tuần: Hỗ trợ bằng 20% mức khoán quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

2. Đối với viên chức có thời gian đào tạo, bồi dưỡng vượt quá thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng thì không được hưởng chính sách hỗ trợ trong thời gian vượt quá thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng, trừ các trường hợp có lý do bất khả kháng.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách địa phương đảm bảo.

**3. Nghị quyết Về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp hệ thống sản xuất chương trình truyền hình Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:* Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp hệ thống sản xuất chương trình truyền hình Bắc Kạn với các nội dung sau:

1. Quy mô đầu tư sau điều chỉnh:

- Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất chương trình truyền hình tiêu chuẩn Full HD phục vụ tiền kỳ và hậu kỳ.

- Đầu tư mới xe truyền hình lưu động chuyên dụng với các thiết bị máy móc đồng bộ tiêu chuẩn Full HD.

- Đầu tư mới 01 trường quay hiện đại.

2. Các nội dung khác: Thực hiện theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp hệ thống sản xuất chương trình truyền hình Bắc Kạn.

**4. Nghị quyết về** **Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:* Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

**5. Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 17/7/2018 của HĐND tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:*

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“**Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công *(không bao gồm mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư)***

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mua sắm theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với:

a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh quản lý.

b) Tài sản khác có giá trị mua sắm từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản; 02 tỷ đồng trở lên trên một lô tài sản hàng hóa, dịch vụ cho 01 lần mua sắm; đối với lô tài sản có giá trị mua sắm dưới 02 tỷ đồng cho 01 lần mua sắm trong đó có 01 tài sản có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Đối với việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

Quyết định mua sắm tài sản hàng hóa, dịch vụ của đơn vị mình;

Quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên cho 01 lần mua sắm của đơn vị trực thuộc.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc và UBND cấp xã có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản; từ 01 tỷ đồng trở lên trên một lô tài sản, hàng hóa, dịch vụ; đối với lô tài sản có giá trị mua sắm dưới 01 tỷ đồng trong đó có 01 tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên cho 01 lần mua sắm.

c) Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ trừ trường hợp quy định tại khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2 Điều này”.

**2. Sửa đổi khoản 1, khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 4 như sau:**

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thuê trụ sở làm việc và tài sản khác trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với trường hợp giá dự toán từ 01 tỷ đồng trở lên cho cả thời gian thuê để phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê trụ sở làm việc và các tài sản khác để phục vụ hoạt động chuyên môn của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quản lý *(gồm cả cấp xã)* đối với trường hợp giá dự toán từ 100 triệu đồng trở lên cho cả thời gian thuê trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê trụ sở làm việc và các tài sản khác để phục vụ hoạt động chuyên môn trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này”.

**3. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 5 như sau:**

“a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại.”

**4. Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6 như sau:**

“a) Tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại;

b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.”

**5. Sửa đổi khoản 1 Điều 7 như sau:**

“1.Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với:

a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại;

b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.”

**6. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:**

“**Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với:

a) Nhà, các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản;

b) Xe ô tô các loại.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan nhà nước cấp tỉnh đối với nhà, các tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng trên 01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh:

a) Quyết định thanh lý tài sản công của đơn vị mình trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

b) Quyết định thanh lý tài sản công tại các đơn vị trực thuộc trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng trên 01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện Quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý *(gồm cả cấp xã)* đối với:

a) Nhà, các tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng trên 01 đơn vị tài sản.

b) Tài sản khác trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng trên 01 đơn vị tài sản.

5. Người đứng đầu đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã; Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Quyết định thanh lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đối với tài sản cố định khác trừ tài sản quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này”.

**7. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 9 như sau:**

“a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy theo đề nghị của giám đốc Sở Tài chính đối với xe ô tô các loại, tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản”.

**8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:**

“1. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản thực hiện như phân cấp thẩm quyền đối với cơ quan nhà nước quy định Điều 8 quy định này. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với các tài sản khác”.

**9. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:**

“**Điều 20. Thẩm quyền quyết định bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất do sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý *(trừ nhà, đất tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam)*”.

**6. Nghị quyết về** **Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia** **xây dựng nông thôn mới năm 2022 *(đợt 2)***

*Nội dung cụ thể:*

Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 *(đợt 2)* cho các huyện, thành phố, với số tiền là 11.049 triệu đồng *(Mười một tỷ không trăm bốn mươi chín triệu đồng)*, từ các nguồn sau:

1. Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 là 7.714 triệu đồng;

2. Nguồn tỉnh điều hành năm 2022 *(đối ứng từ nguồn kinh phí tiết kiệm thêm 2% chi thường xuyên cấp tỉnh năm 2022 )* là 3.335 triệu đồng.

**7. Nghị quyết về chủ trương đầu tư Dự án hỗ trợ kết cấu hạ tầng các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:* Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án hỗ trợ kết cấu hạ tầng các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, với các nội dung sau:

1. Mục tiêu đầu tư:

Hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà kho, nhà xưởng phục vụ sản xuất, chế biến và bảo quản sản phẩm của các hợp tác xã nông nghiệp nhằm phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung bền vững, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên cơ sở khai thác, phát huy tiềm năng thế mạnh sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, thu hút lao động, ổn định sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động địa phương, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025.

2. Quy mô đầu tư:

Hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng *(nhà kho, nhà xưởng)* cho 14 Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh. Kết cấu nhà khung thép chịu lực, móng bê tông cốt thép, vì kèo thép gác xà gồ, mái lợp tôn liên doanh, tường bao xây bằng gạch đặc kết hợp với tường bao bằng tôn, nền xưởng bằng bê tông và các hạng mục phụ trợ khác.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư của dự án: 31.580 triệu đồng *(Ba mươi mốt tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng)*.

5. Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước: 30.000 triệu đồng.

- Đối ứng của Hợp tác xã: 1.580 triệu đồng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Bằng Phúc, xã Tân Lập, huyện Chợ Đồn; xã Văn Lang, huyện Na Rì; phường Xuất Hóa, thành phố Bắc Kạn; xã Quang Thuận, xã Nguyên Phúc, xã Lục Bình, huyện Bạch Thông; xã Quảng Khê, xã Yến Dương, huyện Ba Bể; xã Như Cố, huyện Chợ Mới; xã Bộc Bố, huyện Pác Nặm; xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn

7. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2024.

**8. Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật Tỉnh ủy Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:* Xây mới, cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện tổng thể cơ sở vật chất nhằm khắc phục tình trạng hư hỏng, xuống cấp để kéo dài tuổi thọ công trình, đáp ứng nhu cầu sử dụng, đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan Tỉnh ủy. Tập trung quản lý, bảo quản an toàn tài liệu lưu trữ lịch sử Đảng tỉnh, thực hiện nhiệm vụ khai thác cũng như phát huy được giá trị của tài liệu lưu trữ, đáp ứng nhu cầu thu, nộp lưu trữ tầm nhìn đến năm 2050.

**9. Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Quảng Bạch - Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn**

*Nội dung cụ thể:*

1. Mục tiêu đầu tư sau điều chỉnh: Đầu tư xây dựng tuyến đường nhằm hình thành trục giao thông kết nối ngắn nhất nối tuyến đường QL.3C *(thuộc xã Quảng Bạch, huyện Chợ Đồn)* với tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba *Bể (thuộc xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn)* để phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần củng cố quốc phòng, an ninh của địa phương.

2. Quy mô đầu tư sau điều chỉnh: Xây dựng tuyến đường Quảng Bạch - Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn với chiều dài khoảng 15,9 km*.*

**10. Nghị quyết****về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cơ bản các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh**

*Nội dung cụ thể:*Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cơ bản các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh gồm:

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cơ bản các cụm công nghiệp trên địa bàn 02 huyện với tổng diện tích khoảng 35 ha *(cụm công nghiệp Nam Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn khoảng 20 ha; cụm công nghiệp Vằng Mười, huyện Na Rì khoảng 15ha)*

**11. nghị quyết về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Nguồn vốn ngân sách địa phương *(lần 4)***

*Nội dung cụ thể:* Điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương *(lần 4)*:

1. Giảm kế hoạch vốn: 221.890 triệu đồng, gồm:

a) Vốn dự phòng chung ngân sách địa phương: 63.422 triệu đồng.

b) Vốn chưa phân bổ chi tiết 145.396 triệu đồng.

c) Giảm vốn 06 dự án: 4.772 triệu đồng.

d) Kế hoạch vốn dự phòng chưa phân bổ nguồn vốn xổ số kiến thiết: 8.300 triệu đồng.

2. Bổ sung và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho các nhiệm vụ, dự án: 221.890 triệu đồng, cụ thể:

a) 05 dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025: 71.820 triệu đồng .

b) Vốn điều lệ cho các quỹ: 26.000 triệu đồng.

c) Điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 233 triệu đồng.

d) Hỗ trợ các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 123.837 triệu đồng.

**12. Nghị quyết về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 *(lần 3)* và điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2022 - nguồn vốn ngân sách địa phương**

*Nội dung cụ thể:*

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022, nguồn vốn ngân sách địa phương *(lần 3):*

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 15 dự án: 28.633 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 19 dự án, 01 nội dung hỗ trợ phân cấp huyện điều hành và điều chỉnh nội bộ phần kế hoạch phân cấp tỉnh điều hành: 28.633 triệu đồng.

2*.* Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022 - nguồn vốn ngân sách địa phương tại Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 28/02/2022 của HĐND tỉnh

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022 là 4.715 triệu đồng; cụ thể: điều chỉnh giảm nguồn vốn ODA vay lại 4.715 triệu đồng

- Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022 sau điều chỉnh là 26.225 triệu đồng; nguồn vốn ODA vay lại sau điều chỉnh là 0 đồng.

**13. Nghị quyết về** **Ban hành Quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:*

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân thực hiện nhiệm vụ liên quan đến tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**14. Nghị quyết Thông qua chủ trương điều chỉnh đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng đối với diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:*

Tổng diện tích điều chỉnh đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng là **372,576 ha** *(58 công trình, dự án),* trong đó: Rừng phòng hộ là 16,8 ha *(rừng tự nhiên 14,04 ha, rừng trồng 2,76 ha)*, rừng sản xuất là 355,776 ha *(rừng tự nhiên 54,60 ha, rừng trồng 295,326 ha, đất trống, đất khác 5,85 ha).*

**15. Nghị quyếtPhê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án *(bổ sung)* năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:*

Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 08 công trình, dự án *(bổ sung)* năm 2022 với tổng diện tích **59,6189** ha, đối tượng là rừng trồng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, rừng sản xuất và rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**16. Nghị quyết** **Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2022;** **điều chỉnh tên chủ đầu tư các công trình thuộc dự án Nâng cao năng lực phòng cháy và chữa cháy rừng tỉnh Bắc Kạn và điều chỉnh, bổ sung loại đất, diện tích công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết: Số 15/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2020, số 58/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020, số 71/NQ-HĐND ngày 06 tháng 8 năm 2021, số 85/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2021, số 12/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022**

*Nội dung cụ thể:*

**Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2022, như sau:**

a. Tổng số công trình, dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 là 38 công trình, dự án, cụ thể:

- Huyện Chợ Đồn: 07 công trình, dự án;

- Huyện Ngân Sơn: 04 công trình, dự án;

- Huyện Chợ Mới: 11 công trình, dự án;

- Huyện Na Rì: 03 công trình, dự án;

- Huyện Ba Bể: 06 công trình, dự án;

- Huyện Bạch Thông: 02 công trình, dự án;

- Huyện Pác Nặm: 04 công trình, dự án;

- Thành phố Bắc Kạn: 01 công trình, dự án;

b. Chuyển mục đích sử dụng 190.917,0 m2 đất trồng lúa và 65.400,0m2 đất rừng phòng hộ để thực hiện 28 công trình, dự án.

2. Điều chỉnh loại đất, diện tích của 02 công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết: Số 15/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2020, số 58/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020, số 71/NQ-HĐND ngày 06 tháng 8 năm 2021, số 85/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2021, số 12/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022.

3. Điều chỉnh tên chủ đầu tư các công trình thuộc dự án Nâng cao năng lực phòng cháy và chữa cháy rừng tỉnh Bắc Kạn đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết: Số 85/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2021 và số 12/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022, từ *“Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bắc Kạn”* sang *“Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn”.*

**17. Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (bổ sung) để thực hiện dự án mở rộng công trình S1 *(công trình mật)***

**18. Nghị quyết về việc miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 đối với ông Hà Văn Trường, Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nguyên Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch do chuyển công tác khác.**

**19. Nghị quyết về** **Kỳ họp thứ 10 *(kỳ họp chuyên đề)*, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026.**

*Trên đây là những nội dung chủ yếu của kỳ họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất (tháng 8/2022); kỳ họp thứ 10, HĐND tỉnh khóa X. Đại biểu HĐND tỉnh căn cứ vào nội dung các Nghị quyết đã được kỳ họp thông qua, lựa chọn nội dung phù hợp với địa phương và từng điểm tiếp xúc để báo cáo với cử tri./.*

**THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH**